

- Đối với gói thầu thuộc dự án nhóm B, C và tương đương, trừ dự án của các doanh nghiệp trực thuộc được quyền quyết định đầu tư theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 51 của Quy chế Đấu thầu.

6. Điều 53 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Bổ sung việc phân cấp phê duyệt, thẩm định dự án nhóm B, C và tương đương, người có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án nhóm B, C và tương đương của doanh nghiệp nhà nước vào Bảng 1 Điều 53:

Nhóm dự án	Cấp phê duyệt	Cấp thẩm định	Gói thầu thuộc ngành I, II, III
Nhóm B, C và tương đương	Người có thẩm quyền của doanh nghiệp nhà nước được quyền quyết định đầu tư	Bộ phận giúp việc liên quan	Tất cả các gói thầu thuộc dự án

7. Điều 56 được bổ sung khoản 5 như sau:

5. Trong quá trình xét thầu, từ thời điểm mở hồ sơ dự thầu đến thời điểm công bố kết quả đấu thầu, không được đưa những thông tin quy định tại khoản 2 Điều 56 của Quy chế Đấu thầu trên các phương tiện thông tin đại chúng.

8. Bỏ khoản 4; khoản 2 Điều 61 được sửa đổi, bổ sung như sau:

2. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện đấu thầu mua sắm vật tư, hàng hóa, phương tiện làm việc của các cơ quan quản lý nhà nước, đoàn thể, doanh nghiệp nhà nước; mua sắm vật tư, hàng hóa, phương tiện làm việc thông thường của lực lượng vũ trang từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

Điều 4. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng Quản trị các Tổng công ty nhà nước và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHÁI

09661034

Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuViенPhapLuat.com

LawSoft *

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 15/2000/NĐ-CP ngày 09/5/2000 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 90/1999/NQ-UBTVQH10 ngày 03/9/1999 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng và thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với một số hàng hóa, dịch vụ.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH9 ngày 10 tháng 5 năm 1997;

Căn cứ Nghị quyết số 90/1999/NQ-UBTVQH10 ngày 03 tháng 9 năm 1999 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng và thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với một số hàng hóa, dịch vụ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung danh mục một số hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 4 Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 1998 của Chính phủ như sau:

1. Khoản 4 được sửa đổi, bổ sung lại như sau:

“4. Thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được, cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp; máy bay, dàn khoan, tàu thủy thuê của nước ngoài loại trong nước chưa sản xuất được dùng cho sản xuất, kinh doanh.

Trường hợp cơ sở nhập khẩu dây chuyền thiết bị, máy móc đồng bộ thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng nhưng trong dây chuyền đồng bộ đó có cả loại thiết bị, máy móc trong nước đã sản xuất được thì không tính thuế giá trị gia tăng cho cả dây chuyền thiết bị, máy móc đồng bộ.

Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan ban hành danh

mục thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước đã sản xuất được để làm cơ sở phân biệt với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại khoản này”.

2. Khoản 10 được sửa đổi, bổ sung lại như sau:

“10. Hoạt động văn hóa, triển lãm và thể dục, thể thao mang tính chất phong trào, quần chúng, tổ chức luyện tập, thi đấu không thu tiền hoặc có thu tiền nhưng không nhằm mục đích kinh doanh;

Hoạt động biểu diễn nghệ thuật như: ca, múa, nhạc, kịch, xiếc; hoạt động biểu diễn nghệ thuật khác và dịch vụ tổ chức biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim các loại;

Nhập khẩu, phát hành và chiếu phim: đối với phim nhựa không phân biệt chủ đề loại phim; đối với phim ghi trên băng hình, đĩa hình chỉ là phim tài liệu, phóng sự, khoa học”.

3. Khoản 13 được sửa đổi, bổ sung lại như sau:

“13. In, xuất bản, nhập khẩu, phát hành: báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa (kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình), giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách in bằng tiếng dân tộc thiểu số, tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động; in tiền”.

4. Khoản 20 được sửa đổi, bổ sung lại như sau:

“20. Hàng hóa nhập khẩu trong các trường hợp sau: hàng viện trợ nhân đạo, viên trợ không

hoàn lại; quà tặng cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; đồ dùng của các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế; đồ dùng của người Việt Nam sống ở nước ngoài khi về nước mang theo. Hàng nhập khẩu trong các trường hợp trên đây được xác định theo chế độ Nhà nước quy định.

Hàng bán cho tổ chức quốc tế, người nước ngoài để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam. Đối với tổ chức Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hóa tại Việt Nam thì được hoàn lại tiền thuế giá trị gia tăng đã trả ghi trên hóa đơn thuế giá trị gia tăng khi mua hàng”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với một số hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 7 Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 1998 của Chính phủ như sau:

- Chuyển danh mục hàng hóa: than đá, sản phẩm cơ khí (trừ sản phẩm cơ khí tiêu dùng), hóa chất cơ bản thuộc nhóm thuế suất 10% tại khoản 3 Điều 7 sang nhóm thuế suất 5% tại khoản 2 Điều 7.

- Chuyển danh mục dịch vụ: khách sạn, du lịch, ăn uống thuộc nhóm thuế suất 20% tại khoản 4 Điều 7 sang nhóm thuế suất 10% tại khoản 3 Điều 7.

Những hàng hóa, dịch vụ nêu tại khoản 1, 2 Điều này trước đây được giảm 50% mức thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 78/1999/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ thì nay không được giảm 50% mức thuế nữa mà chuyển sang áp

dụng mức thuế suất mới quy định trên đây kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những quy định trước đây tại các Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 1998, số 102/1998/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1998 và Nghị định số 78/1999/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
KT. Thủ tướng
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 46/2000/QĐ-TTg ngày 18/4/2000 về việc sáp xếp lại tổ chức Ủy ban Quốc gia điều tra hậu quả chiến tranh hóa học của Mỹ ở Việt Nam.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

09661034